

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐG
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-ST

Ngày: 22 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐG TỈNH KON TUM**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Du.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Xuân Gụ và bà Y Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG, tỉnh KonTum tham gia phiên tòa: Bà Hiêng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐG tỉnh KonTum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2018/TLST-HS, ngày 11/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 09/11/2018 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn M**; sinh ngày 02/4/1966 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu và nơi ở hiện nay: Khối 5 thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M(1) (Đã chết) và bà Phạm Thị N; có vợ là Phạm Thị Th, trú tại Khối 5 thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1994 hai con của bị cáo hiện đang sống và làm việc tại huyện Th Thành phố Hà Nội; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2018 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

-Bị hại:

+ Bà Y M; sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện ĐG, tỉnh KonTum. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Võ Thị Tr, sinh năm 1968 và ông Trần Đình L, sinh năm 1964.

Cùng trú tại: Khối 7, thị trấn Kh, huyện Ph, tỉnh Quảng Nam.(Có đơn vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn Th; sinh năm 1989; nơi ĐKKHTT: Khối 5, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: Đội 6, xã N, huyện Th, thành phố Hà Nội.(Có mặt)

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

+ Ông Phan Hùng V; sinh năm 1966; nơi cư trú: 79 – Nguyễn Đình Ch – thành phố P, tỉnh Gia Lai.(Có đơn vắng mặt)

+ A M; sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 20/4/2018 do có sự quen biết với A M là con trai của bà Y M ở thôn Thôn P, xã Đ, huyện ĐG, tỉnh KonTum, nên Nguyễn Văn M đến nhà bà Y M xin ngủ nhờ một đêm để ngày mai đi tìm kiếm nơi làm việc. Khoảng 11 giờ ngày 21/4/2018 lợi dụng cả nhà bà Y M đi đám cưới nên Nguyễn Văn M nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu sài. Do phòng ngủ của bà Y M khóa nên Nguyễn Văn M bắc ghế trèo qua tường ngăn phòng vào bên trong và thấy một chiếc két sắt đang khóa, M nghĩ sẽ có tài sản trong két sắt nên trèo ra bên ngoài tìm một con rựa và một thanh sắt tròn dài khoảng 01m đầu của nhà bà Y M, rồi lại trèo vào bên trong buồng. M dùng con rựa và thanh sắt cạy bật được chốt khóa két và lấy trong két được các tài sản gồm: 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền hình trái tim có gắn viên đá màu trắng; 05 cái nhẫn vàng y, 01 cái nhẫn vàng tây; 01 vật hình móng bọc vàng tây; 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, sau đó Minh trèo ra bên ngoài thì thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-N105 đang sạc pin, nên M lấy luôn bỏ vào túi quần. M bỏ quên tại nhà bà Y M 01 chiếc điện thoại PHILIP màu đen của M, bà M đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Sau khi có được số tài sản trên M đi ra đường Hồ Chí Minh và đón xe khách đi sang thị trấn Kh, huyện Ph, tỉnh Quảng Nam. Tại đây, M đem toàn bộ số vàng lấy được ở nhà bà Y M tới tiệm vàng LT ở Khối 7, thị trấn Kh, huyện Ph, tỉnh Quảng Nam để bán gồm 01 dây chuyền, 01 mặt dây chuyền, 05 chiếc nhẫn vàng y, tổng khối lượng là 1,997 cây vàng được số tiền là 69.895.000 đồng(Bà Tr trả cho bị cáo 69.900.000 đồng). Đến sáng ngày 22/4/2018 Nguyễn Văn M bị Công an huyện ĐG bắt giữ, khám xét chiếc cặp của M thu giữ các vật chứng gồm: 01 bì giấy đựng vàng của hiệu vàng LT (Mặt sau có ghi: 3500x 1.997 = 69.895.000 và chữ ký tên Trang), 139 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền polymer mệnh giá 200.000 đồng, 06 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền polymer mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền cotton mệnh giá 5.000 đồng, 01 tờ tiền cotton mệnh giá 2.000đồng, 01 vật hình móng bên ngoài bọc kim loại màu vàng, 01 cái nhẫn bằng kim loại màu vàng trên đính hạt dạng đá nhỏ không màu. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-N105, màu đen, số IMEL1:357289080041666,số IMEL2: 357289080041674 (đã qua sử dụng), 01(một) giấy CMND số: 164166780 mang tên Nguyễn Văn M do Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 23/10/2014; 01(một) Hộ chiếu số: C1576185 mang tên Nguyễn Văn M do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 06/04/2016; 01(một) quyển sổ tay màu xanh đậm dùng để ghi số điện thoại; 01 (một) sim điện thoại Viettel số 01657145283.

Sau khi mua số lượng vàng mà Nguyễn Văn M bán, do khác nhãn hiệu nên bà Võ Thị Tr đã nung chảy lẫn cùng 5,1 chỉ vàng mà hiệu vàng mua trước đó của người khác thành 01 khối có khối lượng 93.82gam (25,021 chỉ). Hiệu vàng LT đã

giao khối vàng này cho Cơ quan điều tra công an huyện ĐG để phục vụ công tác điều tra.

Tại kết luận giám định số: 330/C54C(Đ4) ngày 16/5/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: 01(một) miếng kim loại hình thoi màu vàng, có tổng khối lượng là 93,82 gam có hàm lượng vàng 99,2 %; Phần kim loại màu vàng bọc xung quanh vật hình móng, hàm lượng vàng 48,6 % và 01(một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, mặt là dạng ba hình thoi nối nhau trên có đính các hạt đá nhỏ không màu hàm lượng vàng 16,3 % . Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự của huyện ĐG kết luận tổng giá trị tài sản nêu trên và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-N105 là 92.326.080 đồng. Cáo trạng số 11/CT-VKS của Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐG xác định tổng giá trị thiệt hại về tài sản (sau khi trừ giá trị 5,1 chỉ vàng là tài sản của hiệu vàng LT) mà Nguyễn Văn M trộm cắp tại nhà bà Y M là 78.699.970 đồng, bao gồm 500.000 đồng và 4.000.000 đồng là tiền thỏa thuận bồi thường thiệt hại đối với viên đá gắn trên mặt dây chuyền.

Kết luận định giá tài sản số 15a/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự của huyện ĐG kết luận chiếc kết sắt bị thiệt hại 870.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 24 đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng. Đối với hành vi phá kết để trộm cắp tài sản, do thiệt hại chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “*Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản*” quy định tại Điều 178 Bộ luật hình sự. Đối với số tiền 6.300USD và 02 chỉ vàng y mà bà Y M khai là bị M trộm cắp, nhưng quá trình điều tra không đủ căn cứ kết luận bị cáo chiếm đoạt số tiền này. Đối với bà Trần Thị Tr khi mua không biết số vàng bị cáo bán là do trộm cắp mà có, nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, số tài sản trộm cắp của bà Y M như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG truy tố bị cáo là đúng. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị mớm cung, ép cung hay dùng nhục hình buộc phải nhận tội. Bị cáo mang số vàng trộm cắp được bán tại tiệm vàng LT ở khối 7 thị trấn Ph, huyện Ph tỉnh Quảng Nam được 69.900.000 đồng, bị cáo chưa tiêu sài gì đã bị công an huyện ĐG bắt và thu giữ toàn bộ. Bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại theo đúng yêu cầu của bà Y M là 14.000.000 đồng trong đó gồm tiền sửa chữa kết sắt, tiền gia công dây, nhẫn vàng và thỏa thuận thiệt hại viên đá gắn ở mặt dây chuyền là 4.000.000 đồng. Đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là đúng, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo đã bị bắt tạm giam đến nay là 7 tháng, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo rất hối hận xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc mẹ già đã ngoài 90 tuổi.

- Bà Y M trình bày: Lời khai của bị cáo là đúng như những gì xảy ra tại nhà tôi vào trưa 21/4/2018, số tài sản mà bị cáo trộm cắp của tôi là như Cáo trạng của Viện kiểm sát nêu là đúng, tôi đã nhận lại toàn bộ giá trị tài sản bị trộm cắp. Về số tiền 6.300 USD và chiếc nhẫn vàng y 02 chỉ mà tôi trình bày trong đơn trình báo, tại phiên tòa hôm nay tôi khai khẳng định lại là tôi không bị Nguyễn Văn M trộm cắp 6.300USD và chiếc nhẫn và không khiếu nại, thắc mắc gì. Bị cáo đã bồi thường đúng theo yêu cầu của tôi gồm tiền sửa chữa kết sắt, tiền gia công dây, nhẫn vàng và thỏa thuận thiệt hại viên đá gắn ở mặt dây chuyền là 4.000.000 đồng, tổng cộng là 14.000.000 đồng, số tiền này do anh Nguyễn Văn Th là con bị cáo giao cho tôi. Tôi không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lời khai của anh Nguyễn Văn Th: Tôi là con ruột của ông M, bố tôi đã nói tôi bồi thường thiệt hại cho bà Y M 14.000.000 đồng. Tôi đã giao đủ số tiền này cho bà Y M. Tôi không yêu cầu bố tôi phải trả lại cho tôi số tiền này. Mong HĐXX xem xét hoàn cảnh để giảm nhẹ hình phạt cho bố tôi.

- Bà Trần Thị Tr và ông Trần Đình L trong các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt, thì xác nhận có mua vàng của M, mà không biết đó là tài sản do M trộm cắp. Số vàng khi mua của M xong thì bà Tr có ghi số vàng, số tiền trả cho M vào túi đựng hiệu vàng LT là 69.895.000 đồng và ký tên Tr(trả tròn 69.900.000đ). Ông L và bà Tr đã nhận lại số tài sản là 5,1 chỉ vàng trộm lẫn với số vàng mua của M và không yêu cầu gì về bồi thường đối với bị cáo.

- Ông Phan Văn V và A M có đơn xin xét xử vắng mặt và xác nhận là số tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là của riêng bà Y M, ông V và A M không liên quan gì về quyền sở hữu đối với số tài sản này.

*** Về xử lý vật chứng:**

- Quyết định xử lý vật chứng số 06/QĐ ngày 12/9/2018 của Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện ĐG xử lý trên cơ sở tự thỏa thuận trao đổi giữa ông Trần Đình L chủ Hiệu vàng LT và bà Y M là ông Trần Đình L nhận số vàng và tiền là vật chứng của vụ án, ông L sẽ mua 02 (hai) cây vàng y khác hoàn trả cho bà Y M. Sự thỏa thuận giữa Doanh nghiệp tư nhân Hiệu vàng LT với bà Y M không trái pháp luật. Ngày 12/09/2018, Cơ quan CSĐT - Công an huyện ĐG xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản giao cho DNTN Hiệu vàng LT gồm: 138 (Một trăm ba mươi tám) tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng; 01 (một) miếng kim loại màu vàng và 02 (hai) mảnh nhỏ, có tổng khối lượng là 93,551 gam.

Trả lại tài sản cho bà Y M gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-N105, màu đen (đã qua sử dụng); 01 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng; 01 vật hình móng bọc kim loại màu vàng; 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, mặt là dạng ba hình thoi nối nhau trên có đính các hạt đá nhỏ không màu. Ngày 10/9/2018 sau khi xác định xong giá trị thiệt hại chiếc kết sắt, theo yêu cầu của bà Y M nên Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho bà Y M.

Quyết định trả lại tài sản số 02/QĐ-VKS ngày 08/10/2018 Viện kiểm sát nhân dân Huyện ĐG trả lại cho bị cáo gồm: 01 (một) giấy CMND số: 164166780

mang tên Nguyễn Văn M do Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 23/10/2014; 01(một) Hộ chiếu số: C1576185 mang tên Nguyễn Văn M do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 06/04/2016; 01(một) quyển sổ tay màu xanh đậm dùng để ghi số điện thoại (đã qua sử dụng); 01(một) chiếc điện thoại nhãn hiệu PHILIP màu đen; 01 (một) sim điện thoại Viettel số 01657145283.

- Đối với các vật chứng chưa xử lý:

01 (một) thanh sắt tròn đường kính 02x1,5cm, dài 99cm; 01 (một) rựa có cán dài 30cm, lưỡi dài 27cm; 05 (năm) tờ hóa đơn mua bán vàng, 01 (một) bì giấy đựng vàng của Hiệu vàng LT, mặt sau có ghi khối lượng vàng và số tiền bán vàng. Đại diện VKS đề nghị tịch thu tiêu hủy.

01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng; 06 (sáu) tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng; 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng; 01 (một) tờ tiền giấy cotton mệnh giá 5.000 đồng và 01 (một) tờ tiền giấy cotton mệnh giá 2.000 đồng, tổng cộng là 857.000 đồng. Đại diện VKS đề nghị trả lại cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Y M, Doanh nghiệp vàng LT đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có thêm yêu cầu bồi thường. Anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 14.000.000 đồng đã bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, tranh tụng, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện ĐG, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn M được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ: Đơn trình báo và lời khai của bị hại, biên bản thu giữ và trao trả tài sản, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại Viện kiểm sát là phù hợp với nhau và được thẩm tra, tranh tụng, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa cùng các tài liệu khác trong hồ sơ đã có đủ cơ sở để khẳng định: Vụ trộm cắp tài sản xảy ra vào khoảng 11 giờ ngày 21/4/2018 tại nhà bà Y M ở thôn P, xã Đ, huyện ĐG, tỉnh KonTum là do Nguyễn Văn M thực hiện một mình. Bị cáo lợi dụng sự vắng nhà của gia đình bà Y M đã lén lút đột nhập vào bên trong buồng nhà bà Y M cạy khóa kết sắt trộm cắp tài sản bao gồm: 01 sợi dây chuyền vàng và mặt dây chuyền hình trái tim có gắn viên đá màu trắng; 05 cái nhẫn vàng y, 01 cái nhẫn vàng tây; 01 vật hình móng bọc vàng tây; 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, sau đó M trèo ra phòng ngoài lấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn

hiệu NOKIA-N105 đã qua sử dụng. Chiều cùng ngày bị cáo mang số vàng đến tiệm vàng LT ở khối 7 thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh Quảng Nam để tiêu thụ, đến ngày 22/4/2018 bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ĐG bắt giữ tại thị trấn Ph, thu giữ toàn bộ số tiền bán vàng. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp nhà bà Y M theo kết luận tại Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG là 78.699.970 đồng. Tuy nhiên, HĐXX nhận định thiệt hại của viên đá gắn ở mặt dây chuyền hình trái tim chưa đủ cơ sở để kết luận là 4.000.000 đồng, viên đá đã bị vỡ, Cơ quan điều tra không thu giữ được, bà Y M không có tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, hình dạng nên không tiến hành giám định và định giá giá trị được. Việc thỏa thuận về bồi thường thiệt hại đối với viên đá giữa bị cáo và bà Y M là tự nguyện, không trái pháp luật, nhưng không là căn cứ để kết luận thiệt hại. Vì vậy HĐXX không cộng số tiền 4.000.000 đồng vào tổng thiệt hại và kết luận thiệt hại là 74.699.970 đồng cũng không làm ảnh hưởng đến việc định tội đối với bị cáo và phù hợp với nguyên tắc có lợi cho người bị kết tội. Bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Tổng hợp hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 10/10/2018 và bản luận tội tại phiên tòa hôm nay của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn M là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh, xã hội tại địa phương. Cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường thiệt hại đầy đủ cho người bị hại, tài sản bị trộm cắp đã được thu hồi trả cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mẹ đẻ của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bố đẻ của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến thắng hạng nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân không có vi phạm gì, bị cáo có thời gian tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự từ tháng 2/1985 đến tháng 12/1987 tại nước bạn Lào. Đến ngày xét xử bị cáo đã bị tạm giam được 07 tháng, xét thấy sự thành khẩn ăn năn của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo HĐXX thấy không cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Căn cứ

hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện được áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát trong thời gian chấp hành án vẫn bảo đảm khả năng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo, cũng như phòng ngừa chung mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, còn phụng dưỡng mẹ già 90 tuổi, nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Quyết định xử lý vật chứng số 06 ngày 12/9/2018 Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện ĐG và Quyết định trả lại tài sản số 02/QĐ-VKS ngày 08/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG, Hội đồng xét xử nhận định các quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản là đúng quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì khác, nên HĐXX không đề cập.

- Đối với các vật chứng chưa xử lý:

01 (một) thanh sắt tròn đường kính 02x1,5cm, dài 99cm; 01 (một) rựa có cán dài 30cm, lưỡi dài 27cm; 05 (năm) tờ hóa đơn mua bán vàng, bà Y M không yêu cầu nhận lại, 01 (một) bì giấy đựng vàng của Hiệu vàng LT các vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Tổng số tiền: 857.000 đồng là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Y M bà Trần Thị Tr, ông Trần Đình L không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu gì về số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo, nên HĐXX không đề cập.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi phá kết để trộm cắp tài sản của bị cáo, do thiệt hại hư hỏng là 870.000 đồng chưa đủ định lượng, nên Cơ quan Điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại Điều 178 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 6.300USD và chiếc nhẫn vàng y 02 chỉ mà bà Y M trình bày trong đơn trình báo là bị M trộm cắp, tài liệu ghi nhận trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa bà Y M cũng có lời khai là nhầm lẫn và khẳng định không bị chiếm đoạt số tiền này, vì vậy Cơ quan điều tra kết luận bị cáo M không chiếm đoạt số tiền, nhẫn vàng này là có cơ sở.

Đối với bà Trần Thị Tr khi mua không biết số vàng bị cáo bán là do trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng quy định.

Ngoài ra số tiền Cơ quan điều tra Công an huyện ĐG thu giữ khi bắt và khám xét Nguyễn Văn M được niêm phong là vật chứng của vụ án, tuy nhiên trong quá

trình điều tra đã không tiến hành giám định số tiền này là chưa chặt chẽ, cần rút kinh nghiệm.

[8]Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội: “ *Trộm cắp tài sản*”

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 24(Hai bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48(Bốn tám)tháng kể từ ngày tuyên án (22/11/2018). Giao bị cáo cho UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 (một) thanh sắt tròn; 01 (một) con dao rựa ; 05 (năm) tờ hóa đơn mua bán vàng; 01 (một) bì giấy đựng vàng của Hiệu vàng Lâm Trang.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M 857.000 đồng(Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Số tiền này đang lưu giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐG, tỉnh KonTum.

Các vật chứng trên có hình dạng, kích thước, nội dung, số tài khoản như mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/10/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐG và Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐG.

* *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (22/11/2018). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum
- VKSND huyện ĐG;
- Cơ quan điều tra Công an huyện ĐG;
- Chi cục THA DS huyện ĐG;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND thị trấn B, huyện K.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trường Du